

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Môn học
CBGD

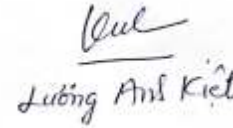
Bóng đá 2
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 09

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234010	1	2122170749	Nguyễn Đức Ân	02/08/1998	CCQ2217LA	8.0	7.0	7,40	
234010	2	2122170727	Vũ Thiên Ân	01/01/2004	CCQ2217LA	6.8	8.0	7,50	
234010	3	2122170728	Nguyễn Tiến Đạt	29/04/2004	CCQ2217LA	7.0	5.0	5,80	
234010	4	2122170808	Phạm Minh Đoàn	26/03/2004	CCQ2217LA	0.0			
234010	5	2122170747	Đặng Anh Dũng	11/03/2004	CCQ2217LA	6.5	7.0	6,80	
234010	6	2122170737	Đặng Xuân Dũng	16/05/2004	CCQ2217LA	7.8	5.0	6,10	
234010	7	2122170811	Hồ Khắc Dũng	10/01/2004	CCQ2217LA	7.5	4.0	5,40	
234010	8	2122170736	Phan Hoàng Duy	18/05/2004	CCQ2217LA	7.8	7.0	7,30	
234010	9	2122170740	Đinh Viết Hà	15/12/2004	CCQ2217LA	6.8	6.0	6,30	
234010	10	2122170836	Hoàng Minh Hà	16/01/2004	CCQ2217LA	6.8	4.0	5,10	
234010	11	2122170754	Nguyễn Đức Hiếu	02/11/2004	CCQ2217LA	7.3	7.0	7,10	
234010	12	2122170739	Nguyễn Việt Hoài	28/01/2004	CCQ2217LA	8.3	8.0	8,10	
234010	13	2122170815	Võ Văn Khánh	14/05/2003	CCQ2217LA	6.8	7.0	6,90	
234010	14	2122170745	Nguyễn Đăng Khoa	06/09/2002	CCQ2217LA	6.5	6.0	6,20	
234010	15	2122170752	Nguyễn Tuấn Kiệt	10/01/2004	CCQ2217LA	8.5	6.0	7,00	
234010	16	2122170753	Nguyễn Lên	06/04/2004	CCQ2217LA	7.3	9.0	8,30	
234010	17	2122170741	Lê Đăng Linh	01/05/2001	CCQ2217LA	6.8	7.0	6,90	
234010	18	2122170730	Nguyễn Tấn Lộc	07/10/2003	CCQ2217LA	7.5	4.0	5,40	
234010	19	2122170807	Võ Xuân Lộc	27/05/2004	CCQ2217LA	7.0	4.0	5,20	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234010	20	2122170733	Nguyễn Thành	Lượng	23/11/2004	CCQ2217LA	7.8	4.0	5,50	
234010	21	2122170830	Nguyễn Trung	Nam	27/05/2002	CCQ2217LA	6.5	5.0	5,60	
234010	22	2122170742	Trần	Nhân	05/12/2003	CCQ2217LA	7.3	7.0	7,10	
234010	23	2122170729	Huỳnh Mai	Phương	24/10/2004	CCQ2217LA	6.8	4.0	5,10	

TPHCM , ngày 28 tháng 10 năm 2023


Lương Anh Kiệt

DANH SÁCH ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Môn học/Nhóm
CBGD

Bóng đá 2-09
Lương Anh Kiệt

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2x2	BP. 3	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
1	2122170749	Nguyễn Đức	Ân	02/08/1998	CCQ2217LA	8.0	7.0	10.0		8.0	
2	2122170727	Vũ Thiên	Ân	01/01/2004	CCQ2217LA	7.0	6.0	8.0		6.8	
3	2122170728	Nguyễn Tiến	Đạt	29/04/2004	CCQ2217LA	9.0	6.0	7.0		7.0	
4	2122170808	Phạm Minh	Đoàn	26/03/2004	CCQ2217LA					0.0	
5	2122170747	Đặng Anh	Dũng	11/03/2004	CCQ2217LA	9.0	5.0	7.0		6.5	
6	2122170737	Đặng Xuân	Dũng	16/05/2004	CCQ2217LA	8.0	7.0	9.0		7.8	
7	2122170811	Hồ Khắc	Dũng	10/01/2004	CCQ2217LA	8.0	7.0	8.0		7.5	
8	2122170736	Phan Hoàng	Duy	18/05/2004	CCQ2217LA	7.0	8.0	8.0		7.8	
9	2122170740	Đình Viết	Hà	15/12/2004	CCQ2217LA	9.0	5.0	8.0		6.8	
10	2122170836	Hoàng Minh	Hà	16/01/2004	CCQ2217LA	8.0	5.0	9.0		6.8	
11	2122170754	Nguyễn Đức	Hiếu	02/11/2004	CCQ2217LA	6.0	7.0	9.0		7.3	
12	2122170739	Nguyễn Việt	Hoài	28/01/2004	CCQ2217LA	7.0	8.0	10.0		8.3	
13	2122170815	Võ Văn	Khánh	14/05/2003	CCQ2217LA	8.0	6.0	7.0		6.8	
14	2122170745	Nguyễn Đăng	Khoa	06/09/2002	CCQ2217LA	6.0	7.0	6.0		6.5	
15	2122170752	Nguyễn Tuấn	Kiệt	10/01/2004	CCQ2217LA	7.0	9.0	9.0		8.5	
16	2122170753	Nguyễn	Lên	06/04/2004	CCQ2217LA	10.0	7.0	5.0		7.3	
17	2122170741	Lê Đăng	Linh	01/05/2001	CCQ2217LA	7.0	7.0	6.0		6.8	
18	2122170730	Nguyễn Tấn	Lộc	07/10/2003	CCQ2217LA	6.0	7.0	10.0		7.5	
19	2122170807	Võ Xuân	Lộc	27/05/2004	CCQ2217LA	10.0	5.0	8.0		7.0	

20	2122170733	Nguyễn Thành	Lượng	23/11/2004	CCQ2217LA	8.0	7.0	9.0		7.8	
21	2122170830	Nguyễn Trung	Nam	27/05/2002	CCQ2217LA	7.0	6.0	7.0		6.5	
22	2122170742	Trần	Nhân	05/12/2003	CCQ2217LA	6.0	8.0	7.0		7.3	
23	2122170729	Huỳnh Mai	Phương	24/10/2004	CCQ2217LA	7.0	5.0	10.0		6.8	

TPHCM, ngày 28 tháng 10 năm 2023


Lương Anh Kiệt